

BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH TÌM CÁC PHƯƠNG THỨC CẤU TẠO TỪ TRONG TIẾNG KHMER

THUỘC PHÂN MÔN NGŨ PHÁP KHMER LỚP 10

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Khmer là một ngôn ngữ giàu giá trị văn hoá và có vai trò quan trọng trong đời sống của đồng bào dân tộc Khmer tại các tỉnh thuộc khu vực Nam bộ, và đã được công nhận là một trong tám ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số được Bộ giáo dục và đào tạo đưa vào hệ thống giáo dục nước ta, từ cấp tiểu học đến cấp Trung học phổ thông.

Công tác giảng dạy và học tập tiếng Khmer hiện nay, không chỉ đơn thuần hình thành năng lực ngôn ngữ, tư duy và kỹ năng giao tiếp - những yếu tố thiết yếu cho người học, mà còn được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ vô cùng quan trọng trong việc bảo tồn ngôn ngữ, giữ gìn giá trị văn hoá bản sắc dân tộc và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Đó cũng là lý do chuyên đề “Biện pháp giúp học sinh tìm các hình thức cấu tạo từ trong tiếng Khmer thuộc phân môn ngữ pháp lớp 10”.

B. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. Thực trạng của vấn đề

Đối với việc giảng dạy tiếng Khmer tại trường THPT Dân tộc Nội trú Huỳnh Cương, nhìn chung đội ngũ giáo viên đều đáp ứng về trình độ chuyên môn, am hiểu về văn hóa và ngôn ngữ Khmer, nắm vững các phương pháp dạy học và vận dụng hiệu quả theo tiến trình của từng bài dạy. Riêng đối với học sinh, đa số đều có nền tảng ngôn ngữ nhất định (chủ yếu phương ngữ) sẽ giúp các em dễ dàng tiếp thu kiến thức môn học.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy học sinh (đặc biệt đối với khối 10) còn gặp nhiều khó khăn trong việc nhận biết và phân biệt các hình thức cấu tạo từ như (từ láy, từ phái sinh, từ vay mượn...). Điều này ảnh hưởng đến khả năng sử dụng từ ngữ trong giao tiếp và viết văn bản. Do đó, việc tìm ra những biện pháp hiệu quả giúp học sinh nhận diện và tìm ra các hình thức cấu tạo từ trong tiếng Khmer là hết sức cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

II. Các biện pháp, giải pháp đã thực hiện

Để đạt kết quả tối ưu trong việc hướng dẫn học sinh tìm hiểu các hình thức cấu tạo từ trong tiếng Khmer, tôi xin đưa ra một số biện pháp cụ thể như sau:

1. Biện pháp 1: Khái quát về nguồn gốc và nhu cầu hình thành chữ viết

Đây là một biện pháp cơ bản nhằm giúp học sinh hiểu rõ về bản chất của từ và chữ viết, tạo cơ sở để học sinh nắm vững các phương pháp cấu tạo từ trong tiếng Khmer. Đồng thời kích thích sự hứng thú và tò mò của học sinh để phát triển tư duy

ngôn ngữ và nhận thức văn hóa của dân tộc: “Trước khi có chữ viết, con người chỉ biết giao tiếp bằng lời nói cử chỉ và hình vẽ. Để ghi nhớ sự kiện, họ vẽ hình trên vách đá, khắc trên xương, gỗ, hoặc đá, thể hiện những điều họ nhìn thấy trong cuộc sống như: săn bắt, trồng trọt, chiến tranh,... Tuy nhiên, khi xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu giao tiếp ngày càng cao, con người cần một phương tiện để ghi nhớ và truyền đạt thông tin lâu dài, không phụ thuộc vào lời nói. Chính nhu cầu đó đã dẫn đến sự ra đời của chữ viết, một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của loài người, giúp con người ghi chép lịch sử, luật pháp, tôn giáo, tri thức và văn hóa, mở ra thời kỳ văn minh nhân loại”.

2. Biện pháp 2: Hướng dẫn học sinh phân tích nội dung khái niệm của phương pháp nội sinh và phương pháp vay mượn

Đây là bước cơ bản và hết sức cần thiết nhằm giúp học sinh nhận biết các yếu tố cấu thành, đặc điểm cú pháp cũng như phạm vi và mối quan hệ của các khái niệm. Qua đó, học sinh có thể vận dụng lý thuyết vào việc giải quyết các vấn đề, bài tập hoặc phân tích thực tế để ghi nhớ lâu dài và hệ thống hóa kiến thức, thay vì học rời rạc, máy móc.

- **និយមន័យ:** វិធីបង្កើតពាក្យដោយឧបករណ៍ពាក្យខ្មែរ ជាវិធីបង្កើតពាក្យមួយដោយផ្អែកលើបណ្តាឯកសារមានស្រាប់ក្នុងឃ្លាំងភាសា។ ហើយយកមកប្រើដើម្បីបង្កើតជាពាក្យថ្មី។ (phương thức phát sinh nội bộ là phương thức lấy từ những tư liệu có sẵn trong tiếng Khmer, rồi đem nó sử dụng để cấu tạo từ mới).

ឧទាហរណ៍:

- ក្តៅ > ក្តៅៗ - ផ្អែម > ផ្អែមៗ - ប្រៃ > ប្រៃៗ
- នំ > នំនែក - នឹក > នឹកនា - ចេក > ចេកចោញ
- យល់ > ពន្យល់ - ហោះ > បង្ហោះ - ហូរ > បង្ហូរ

- **និយមន័យ:** វិធីកម្ចីពាក្យ ជាវិធីបង្កើតពាក្យដោយរបៀបទទួលយកនូវពាក្យពីភាសាដទៃមកប្រើតាមទំនួលភាសាខ្មែរ ដោយមានការកាត់បន្ថយព្យាង្គឬបានកំណត់ដោយលក្ខណៈសម្គាល់ផ្សេងៗ)។ (Phương thức vay mượn là phương pháp tạo từ mới bằng cách tiếp nhận từ ngữ từ ngôn ngữ khác, có thể giữ nguyên hoặc điều chỉnh về âm thanh, số lượng âm tiết, cách viết để phù hợp với ngữ âm, ngữ pháp và cách sử dụng của ngôn ngữ tiếp nhận).

- ### **ឧទាហរណ៍:**
- ជាតិ > ជាតិ - ទុក្ខៈ > ទុក្ខ - លក្ខណៈ > លក្ខណ៍
 - និរន្តរៈ > និរន្តរ៍ - សមាធិ > ស្មាធី - ចរណៈ > ចរណ៍
 - Motor > ម៉ូតូ - Oxyzen > អុកស៊ី - Ciment > ស៊ីម៉ង់ត៍

3. Biện pháp 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các hình thức cấu tạo từ chủ yếu trong tiếng Khmer

Đây là phương pháp quan trọng nhất trong việc giúp học sinh hình thành kỹ năng tìm và xác định các dạng cấu tạo từ trong tiếng Khmer một cách cụ thể nhất thông qua các khái niệm, vốn từ ngữ có sẵn trong giao tiếp và đời sống sinh hoạt.

Gồm có hai phương thức cấu tạo chủ yếu sau:

3.1. Phương thức phát sinh nội bộ (đã nêu trong biện pháp 2)

3.1.1. Phương thức hài thanh (វិធីត្រាប់សូរសម្លេង)

Đây là một phương thức cấu tạo lâu đời nhất trong các phương thức cấu tạo từ tiếng Khmer. Vì vậy, nhằm giúp học sinh dễ hình dung âm thanh và cảm nhận được cảm xúc, không khí của sự vật, hiện tượng, góp phần làm phong phú vốn từ, đặc biệt trong văn thơ, truyện kể dân gian..., thì người giáo viên cần hướng dẫn cho các em biết: phương thức hài thanh là cách tạo từ bằng cách mô phỏng lại âm thanh trong tự nhiên hoặc trong đời sống con người, giúp người nghe cảm nhận được âm thanh thật qua tiếng nói. Đồng thời, đưa một số hình ảnh cho các em quan sát và đặt ra câu hỏi tình huống sau:

- តើនេះជាប្រភេទសត្វអ្វីខ្លះ? ហើយពួកនេះ មានសម្លេងស្រែកឮយ៉ាងម៉េច? ចូរឆ្លើយប្រាប់មកមើល! (Đây là những con vật gì? Và chúng nó có tiếng kêu như thế nào?)



តុកកែ



តាពៅ



ត្រដេវីច



ក្អាត់



អក



ឆ្មា(មៀវ)

- តើហេតុអ្វីបានជាគេដាក់ឈ្មោះសត្វទាំងនេះជាសត្វ៖ តុកកែ, តាពៅ, ត្រដេវីច, ក្អាត់, អក, ឆ្មា(មៀវ) ទៅវិញ? ចូរពន្យល់។ (Hãy giải thích tại sao người ta lại đặt tên cho những con vật này là: tắc kè, tu hú, nhái, ó, mèo, ... như thế?)

ឧទាហរណ៍៖ តុកកែ, តាវ៉ៅ, ត្រដេវីច, ក្អាត់, អក, ឆ្មា(មៀវ), ក្អង, ផូង, ផស, ប្រែ៖ៗ ប្រាវ, ប្លាប់, ជីងចក់, ...។

3.1.2. Phương thức tượng hình (វិធីត្រាប់រូបភាព)

Đây cũng là phương thức được người ta sử dụng từ xa xưa, tức là cách tạo từ bằng cách mô phỏng hình dáng, màu sắc, cử chỉ, dáng đi, trạng thái hoặc đặc điểm bên ngoài của sự vật, hiện tượng trong đời sống, nhằm giúp người học dễ hình dung về hình dáng, trạng thái, đặc điểm của sự vật được nói đến, tăng sức gợi cảm và biểu đạt trong giao tiếp, tạo nên cảm xúc thẩm mỹ trong thơ ca, truyện kể...

Để các em dễ dàng tiếp thu và nêu được một số ví dụ về phương pháp tượng hình, thì giáo viên cần đưa một số hình ảnh minh họa cho học sinh quan sát và đặt ra câu hỏi tình huống sau:

- ទាំងអស់នេះជារូបអ្វីខ្លះ? ហើយពួកនេះមានរូបសណ្ឋានដូចនឹងអ្វីដែរ? ចូរឆ្លើយប្រាប់មកមើល! (Tất cả đây là những hình gì? và chúng có hình dạng giống hình gì?)



ប្រមោយដំរី



ដំឡូងដៃខ្លា



ក្រចកនាងចន្ទ



ផ្កាសិរមាស



ដំឡូងឈាមមាស



ត្រីអណ្តាតផ្លែ

- ហេតុអ្វីបានជាគេដាក់ឈ្មោះរូបទាំងនេះជា៖ ប្រមោយដំរី, ដំឡូងដៃខ្លា, ផ្កាសិរមាស ក្រចកនាងចន្ទ, ដំឡូងឈាមមាស, ត្រីអណ្តាតផ្លែ ទៅវិញ? ចូរបង្ហាញ។ (Hãy giải thích tại sao người ta lại đặt tên cho những hình ảnh trên là: cây vòi voi, khoai từ, hoa mào gà, ốc móng tay, khoai mỡ, cá lười chó hay lười trâu như thế?)

ឧទាហរណ៍៖ ប្រមោយដំរី, ដំឡូងដៃខ្លា, ក្រចកនាងចន្ទ, ផ្កាសិរមាស, ត្រីអណ្តាតផ្លែ, ដំឡូងឈាមមាស, កំភ្លៅនាង, ផ្លែត្បាល់កិន, សំពោងផ្កាចារ, បែកអំពិលអំពែក, ...។

3.1.3. Phương thức điệp âm (វិធីជូនពាក្យ)

Phương thức điệp âm là cách tạo từ mới bằng cách lặp lại cùng một âm đầu trong hai hay nhiều tiếng, nhằm tạo ra sự hòa âm, nhịp điệu và cảm giác gắn kết về nghĩa. Đây còn gọi là phương thức dùng sự lặp âm thanh để hình thành hoặc nhấn mạnh ý nghĩa của từ.

Khi dạy học sinh về phương thức này thì giáo viên cần lưu ý các em, đối với từ thuần Khmer khi đọc thì phải lặp lại âm thanh của từ gốc (lấy hoàn toàn), khi viết thì luôn luôn sử dụng dấu លេខទា(ៗ) đặt phía sau từ gốc. Riêng đối với các từ có nguồn gốc từ tiếng Pali- Sanskrit thì không được sử dụng dấu លេខទា(ៗ) mà phải viết và đọc từ đó liên tục hai lần giống như tiếng Việt. Ngoài ra, việc lặp từ còn có chức năng làm giảm về mức độ nghĩa và làm tăng về số lượng (thường xảy đối với tính từ).

Giáo viên đưa một số ví dụ và yêu cầu các em điệp âm qua các từ sau đây:

Giáo viên	Học sinh
ខៀវ	ខៀវៗ
ក្តៅ	ក្តៅៗ
ផ្អែម	ផ្អែមៗ
ក្អែង	ក្អែងៗ...

3.1.4. Phương thức điệp phụ âm đầu (វិធីផ្ដន្ទាឃ្លា:ដើមព្យាង្គ)

Phương thức điệp phụ âm đầu là cách tạo từ bằng sự lặp lại cùng một phụ âm (phụ âm đầu) trong các tiếng của một từ ghép hoặc từ láy, nhằm tạo nên âm hưởng nhịp nhàng và sự liên kết chặt chẽ về âm thanh và ý nghĩa. Hay nói cách khác, đây là phương thức cấu tạo từ dựa trên sự giống nhau của phụ âm đầu giữa các âm tiết, tạo nên từ láy phụ âm đầu.

Giáo viên đưa một số ví dụ và yêu cầu các em hoàn thành cách điệp phụ âm đầu qua các từ như:

Giáo viên	Học sinh
នំ	នំនៃក
នឹក	នឹកនា
ស្អន់	ស្អន់ស្អា
ងងឹ	ងងឹងងើ
ងើត	ងើតនាយ...

3.1.5. Phương thức điệp vần (វិធីផ្ដួសសម្លេងប្រកប)

Phương thức điệp vần là cách tạo từ bằng cách lặp lại phần vần (nguyên âm và phụ âm cuối) giữa các âm tiết trong cùng một từ, nhằm tạo nên sự hòa âm, nhịp điệu và tính gọi cảm cho ngôn ngữ, giúp người nghe cảm nhận sâu hơn về mức độ, trạng thái hoặc cảm xúc được diễn tả.

Giáo viên đưa một số từ ví dụ minh họa và yêu cầu các em hoàn thành cách điệp vần thông qua một từ gốc:

Giáo viên	Học sinh
បាន	បានក្បាន
លឿន	ជឿនលឿន
សែន	សែនព្រែន
ស្អាត	ស្អាតបាត
ជាប់	ជាប់លាប់...

3.1.6. phương thức thêm tiền tố (វិធីបន្ថែមបុព្វបទ ឬអព្ភាសពាក្យ)

Là một trong những phương thức cấu tạo từ phổ biến trong nhiều ngôn ngữ, trong đó có tiếng Khmer, tức là cách tạo từ mới bằng cách thêm một yếu tố phía trước từ gốc (gọi là tiền tố), nhằm làm thay đổi nghĩa hoặc từ loại của từ gốc để tạo nên từ mới có nghĩa khác hoặc mang sắc thái riêng.

Với phương thức này, giáo viên cần hướng dẫn học sinh hiểu rõ việc thêm tiền tố trong tiếng Khmer, thường xảy ra đối với các từ có một âm tiết và có nguồn gốc là động từ, tính từ và danh từ, khi ta thêm tiền tố thì tạo nên từ phái sinh có hai âm tiết. Tuy nhiên, âm tiết thứ hai của các từ phái sinh ấy vẫn giữ nguyên âm thanh của từ gốc.

Giáo viên đưa một số ví dụ và yêu cầu các em hoàn thành cách thêm tiền tố qua một số từ gốc:

Giáo viên		Học sinh
ពាក្យមူស	ផ្លូវដើម	ពាក្យក្លាយ
ហោះ	ប'ង-	បង្ហោះ
សាប	ប'ន-	បន្សាប
ឈប់	ប'ញ-	បញ្ឈប់
ដើរ	ប'ណ-	បណ្តើរ
ចេញ	ប'ញ-	បញ្ចេញ...

3.1.7. Phương thức thêm trung tố (វិធីបន្ថែមមធ្យមបទ)

Đây cũng là một phương thức cấu tạo từ đặc biệt trong một số ngôn ngữ (trong đó có tiếng Khmer), tức là cách tạo từ mới bằng cách thêm một yếu tố vào giữa thân từ của từ gốc (gọi là trung tố), nhằm làm thay đổi ý nghĩa, sắc thái hoặc chức năng ngữ pháp của từ gốc.

Đối với phương thức này, giáo viên cần hướng dẫn học sinh hiểu rõ việc thêm trung tố trong tiếng Khmer thường dẫn đến sự chuyển đổi các phụ âm đầu của từ gốc (từ សិបិល sang ធនិត), tức chuyển đổi giữa các cặp phụ âm thứ nhất và thứ hai hoặc thứ ba và thứ tư trong cùng nhóm phụ âm với nhau để tạo thành từ phái sinh mang ý nghĩa khác với từ gốc.

Giáo viên đưa một số từ ví dụ minh họa và yêu cầu các em hoàn thành cách thêm trung tố qua một số từ:

Giáo viên		Học sinh
ពាក្យមူស	ផ្លូវថែទាំ	ពាក្យគ្លាយ
តែង	-ម-	ថ្លែង
ជួញ	-ម-	ល្បួញ
ដើរ	-ម-	ថ្លើរ
ចាំ	-ម-	ផ្លាំ
ជួល	-ន-	ល្បួល

3.2. Phương thức vay mượn (វិធីកម្ចីពាក្យ)

Đây là một phương thức cấu tạo từ quan trọng trong hầu hết các ngôn ngữ, trong đó có tiếng Khmer, tức là cách phát triển và làm phong phú vốn từ vựng của một ngôn ngữ bằng việc tiếp nhận từ ngữ của ngôn ngữ khác, sau đó chuyển hóa (Khmer hóa) phù hợp với đặc điểm ngữ âm, ngữ pháp của ngôn ngữ mình.

Đối với phương thức này, giáo viên cần nhấn mạnh thêm cho các em hiểu về nguồn gốc và quá trình vay mượn từ một số ngôn ngữ khác như:

3.2.1. Vay mượn từ tiếng Pali-Sanskrit (កម្ចីពីភាសាបាលី-សំស្ក្រឹត)

Phương thức vay mượn từ tiếng Pali – Sanskrit là một hiện tượng đặc trưng và có ảnh hưởng sâu rộng trong tiếng Khmer, là cách cấu tạo và phát triển từ vựng bằng việc tiếp nhận các từ ngữ có nguồn gốc từ hai ngôn ngữ cổ của Ấn Độ là Pali và Sanskrit, rồi chuyển hóa cho phù hợp với ngữ âm, ngữ pháp và văn hóa bản địa.

Với phương thức này, giáo viên cần hình thành cho học sinh những kỹ năng đọc và nhận biết các từ vay mượn (Pali -Sanskrit) theo phong cách Khmer hóa (đọc bớt số lượng âm tiết) so với từ gốc.

ឧទាហរណ៍៖

Đọc theo Pali-Sanskrit	Số âm tiết	Đọc theo Khmer	Số âm tiết
ជាតិ (ជាត-តិ)	2	ជាតិ (ជាត)	1
ទុក្ខៈ (ទុក-ខៈ)	2	ទុក្ខ (ទុក)	1
លក្ខណៈ (លាក់-ខៈ-ណៈ)	3	លក្ខណ៍ (លាក់)	1
និរន្តរៈ (និ-រន៍-តៈ-រៈ)	4	និរន្តរ៍ (និ-រន៍)	2
សមាធិ (សៈ-ម៉ា-ធិ)	3	សមាធី (ស្មាត)	1
បរិយោជនៈ (បៈ-រិយោ-ជៈ-នៈ)	4	ប្រយោជន៍ (ប្រ-យ៉ោច)	2

3.2.2. Vay mượn từ tiếng Pháp (កម្ចីពីភាសាបារាំង)

Đây cũng là một hiện tượng ngôn ngữ quan trọng trong quá trình phát triển hiện đại của tiếng Khmer (đặc biệt trong thời kỳ thuộc địa và giao lưu văn hóa), là cách phát triển từ vựng bằng việc tiếp nhận các từ ngữ có nguồn gốc từ tiếng Pháp, chủ yếu dùng hình thức phiên âm.

Đối với phương thức này, giáo viên cần nhấn mạnh thêm để các em hiểu về thời gian diễn ra chủ yếu trong giai đoạn Pháp đô hộ Đông Dương (thế kỷ XIX - giữa thế kỷ XX), khi văn hóa - giáo dục - khoa học kỹ thuật của Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt Nam, Lào và Campuchia.

ឧទាហរណ៍៖

Từ gốc Pháp	Từ Khmer	Đọc (phát âm)
Motor	ម៉ូតូ	Mô-tô
Oxyzen	អុកស៊ី	Óc-xi
Carbon	កាប៊ុន	Ca-bôn
Ciment	ស៊ីម៉ង់ត៍	Xi-moong
Vitamine	វីតាមីន	Vi-ta-min
Carte	កាត	Cat-te
Vacances	វ៉ាកង	Va-con

4. Biện pháp 4: Hướng dẫn HS thực hành thông qua các câu hỏi vấn đáp

Để hình thành kỹ năng cho học sinh khi học ngữ pháp Khmer, đặc biệt là phương pháp cấu tạo từ trong tiếng Khmer, giáo viên cần tập trung đầu tư vào công tác xây dựng các dạng bài tập với nhiều mức độ khác nhau, đảm bảo mức độ kiến thức phù hợp với từng đối tượng học sinh.

*** Câu hỏi vấn đáp:**

1) Thế nào gọi là phương thức phát sinh nội bộ? Trong phương thức này được chia thành những phương thức nào? Hãy liệt kê và cho ví dụ cụ thể (ដូចម្តេចហៅថាវិធីបង្កើតពាក្យដោយឧបករណ៍ភាសាខ្មែរ? ក្នុងវិធីបង្កើតពាក្យនេះ បានចែកជាបណ្តាអនុប្រភេទណាខ្លះ? ចូររៀបរាប់ និងលើកឧទាហរណ៍បញ្ជាក់)។

2) Thế nào gọi là phương thức vay mượn? Trong phương thức này được chia thành các phương thức nào? Hãy kể ra và cho ví dụ cụ thể (ដូចម្តេចហៅថាវិធីកម្ចីពាក្យ? ក្នុងវិធីបង្កើតនេះ បានចែកជាប៉ុន្មានប្រភេទ? ចូររៀបរាប់ និងលើកឧទាហរណ៍បញ្ជាក់)។

*** Ví dụ thực hành:**

Đối với các dạng bài tập thực hành, giáo viên phải áp dụng trong khoảng thời gian dài và thường xuyên với mức độ kiến thức từ thấp đến cao phù hợp với từng đối tượng học sinh:

3) Hãy xác định và gọi tên các từ sau đây thuộc phương thức cấu tạo nào? (ចូរកំណត់ និងហៅឈ្មោះនូវបណ្តាទម្រង់ខាងក្រោមនេះ ជាវិធីបង្កើតតាមបែបណា?)

- | | | | | |
|----------------|------------|-------------|--------------|-----------------|
| - ស្និទ្ធស្នាល | - ស្អាតបាត | - មួនទួន | - ស្នេហ៍ស្នង | - ក្រហមៗ |
| - ក្រអូបៗ | - ទស្សនៈ | - ស៊ីម៉ង់ត៍ | - នានា | - ប្រវត្តិ |

4) Hãy tìm 10 từ có nguồn gốc từ Pali-Sanskrit và 10 từ vay mượn từ tiếng Pháp? (ចូររក ១០ពាក្យដែលមានប្រភពពីពាក្យបាលី-សំស្ក្រឹត និង ១០ពាក្យដែលមានប្រភពពីភាសាបារាំង?)

5) Hãy tìm 10 từ có nguồn gốc từ tiếng Việt và 10 từ có nguồn gốc từ tiếng Tiều (Trung Quốc)? (ចូររក ១០ពាក្យដែលមានប្រភពពីភាសាវៀតណាម និង ១០ពាក្យដែលមានប្រភពពីភាសាចិន?)

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Biện pháp giúp học sinh tìm các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Khmer có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc học tập và rèn luyện của học sinh, là cơ sở, là nền tảng giúp học sinh hiểu sâu hơn về các đặc điểm ngôn ngữ Khmer, thông qua việc tìm và phân tích các loại từ phái sinh, từ láy, từ vay mượn...). Từ đó, các em sẽ hiểu rõ quy tắc hình thành và mối quan hệ giữa các yếu tố cấu tạo từ và nghĩa của từ, hình thành cho các em tư duy logic và có khả năng vận dụng kiến thức ngữ pháp vào thực tế giao tiếp, học tập. Không những thế, nó còn giúp các em thêm lòng yêu quý, tự hào và ý thức bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa ngôn ngữ truyền thống của dân tộc.

2. Kiến nghị

2.1. Phía học sinh

- Nêu cao ý thức bảo tồn và phát huy tiếng Khmer: học sinh phải tự giác, chủ động nghiên cứu bài học, tham khảo tài liệu có sẵn để tạo nền tảng vững chắc đối với bộ môn tiếng Khmer.

- Cần tập trung theo dõi, lắng nghe lời chỉ dẫn, giải thích và nghiêm túc thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. Từ đó mới nâng cao được chất lượng học tập của bản thân.

2.2. Phía giáo viên

- Phát huy tối đa vai trò của người tổ chức các hoạt động dạy học và phát huy tính tích cực của học sinh trong quá trình lĩnh hội tri thức.

- Thường xuyên áp dụng các hoạt động để củng cố những nội dung kiến thức cũ thông qua bài học mới.

- Tạo không khí thoải mái thông qua những hoạt động để giúp học sinh say mê môn học.

2.3. Phía lãnh đạo nhà trường

- Cần trang bị thêm nhiều đầu sách, các tài liệu tham khảo có nội dung liên quan đến công tác giảng dạy bộ môn Khmer để giáo viên và học sinh tìm hiểu, trao đổi phát triển.

Phú Lợi, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Người viết

Tăng Thoản- Tổ Ngoại ngữ